TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28 – 02 - 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Văn Trương

Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành Tham gia phiên Tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về tranh chấp "*ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hữu V, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/9/2019, quá trình tố tụng và tại tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Hữu V tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống với nhau được 02 năm thì ông V ra nước ngoài làm ăn 17 năm. Sau khi về nước, ông, bà tiếp tục chung sống với nhau và xảy ra mâu thuẫn do ông V thường xuyên uống rượu, chửi bới, hành hung bà.

Về con chung: Có hai con chung Phạm Hữu L, sinh năm 1993 và Trần Tấn P, sinh năm 2010.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Phạm Hữu V trình bày: Ông thừa nhận chung sống với bà T vào năm 1990 không có đăng ký kết hôn, ông cũng thừa nhận về con chung, tài sản chung, nợ chung như bà T đã trình bày nhưng ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng không công nhận bà T và ông V là vợ chồng, đồng thời chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Hữu V vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng. Căn cứ vào điều điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Hữu V tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1990. Mặc dù đã chung sống với nhau thời gian dài và ông, bà có đầy đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định

nhưng vẫn không đi đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà T xin ly hôn với ông V, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà T và ông V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cả bà T và ông V đều có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Tấn P. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014, quy định " *...Nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*. Qua xem xét ý kiến, nguyện vọng của cháu P thì cháu muốn được ở với mẹ. Hơn nữa từ trước đến nay cháu P đang ở với bà T và được bà T chăm sóc chu đáo, được học tập đầy đủ. Nhằm ổn định cuộc sống, học tập cũng như tôn trọng ý kiến của cháu, cần giao cháu P cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Ông V chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho ông V, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập xem xét

Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Phạm Hữu V là vợ chồng

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tấn P sinh ngày 19/9/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. ông V chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung ông V không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập xem xét

4. Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

0001322 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ